

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường và khoáng sản đi kèm trong “Báo cáo kết quả thăm dò bổ sung khoáng sản đá vôi có hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 85\%$ trong phạm vi giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa”
(Trữ lượng tính đến ngày 15 tháng 9 năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/01/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ các văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 ban hành quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Giấy phép số 20/GP-UBND ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty TNHH một thành viên Tân Thành 6 được khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn;

Căn cứ Văn bản số 687/BTNMT- ĐCKS, ngày 09/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý khoáng sản khu vực khai thác đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Văn bản số 3393/BTNMT-VPTLKS ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc nhất trí để UBND tỉnh Thanh Hóa tổ chức thẩm định, phê duyệt “Báo cáo kết quả bổ sung công trình thăm dò đánh giá chất lượng, trữ lượng đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá tại mỏ đá vôi làm VLXD TT xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa” và quản lý cấp phép khai thác khoáng sản tại mỏ theo quy định;

Căn cứ Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 24/7/2012; Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề ngày 30/6/2023 của Công ty TNHH một thành viên Tân Thành 6 đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường và đá vôi có hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 85\%$ tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1204/TTr-STNMT ngày 21/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp đi kèm trong “Báo cáo kết quả thăm dò bổ sung khoáng sản đá vôi có hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 85\%$ trong phạm vi giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng: 86.319,5 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

Cấp 122: 1.004.597 m³.

3. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đi kèm đã tính trong báo cáo:

Trữ lượng đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp cấp 122 là 638.122 m³ tương ứng 1.729.310 tấn.

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên của từng khối, cấp trữ lượng được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

- Trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 1.004.597 m³.

- Trữ lượng đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp: 638.122 m³ tương ứng 1.729.310 tấn.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Cục Khoáng sản;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Công ty TNHH MTV Tân Thành 6;
- Lưu: VT, CN (T09.53).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
VÀ KHOÁNG SẢN ĐI KÈM TẠI XÃ TRƯỜNG LÂM, THỊ XÃ NGHI SƠN,
TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Số hiệu điểm góc	VN2000 KTT 105 ⁰ 00' múi 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	1	2139662,336	574015,558
2	2	2139601,096	574170,518
3	3	2139627,266	574277,118
4	4	2139471,826	574276,608
5	5	2139364,000	574277,000
6	6	2139330,000	574072,000
7	7	2139334,000	574018,000
8	8	2139372,500	573962,000
9	9	2139486,000	573954,000
		Diện tích 86.319,5 m²	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU
XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN ĐI KÈM TẠI
XÃ TRƯỜNG LÂM, THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng đá vôi sản xuất vôi công nghiệp (m ³)	Trữ lượng đá vôi làm VLXDTT (m ³)	Tổng trữ lượng (m ³)
1	1-122	+ 15,0	370.643	575.080	945.723
2	2-122	+ 15,0	267.478	429.517	696.995
Cộng			638.122	1.004.597	1.642.719